

Bản án số: 30/2019/DS-PT

Ngày: 13/3/2019

Về việc tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhiên

Các Thẩm phán: 1- Ông Trần Bá Kha

2- Ông Trần Bình Đào

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Bảnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Ông Trương Thanh Triều - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2019/TLPT-DS ngày 15 tháng 01 năm 2019 về “tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 39/2018/DS-ST ngày 13/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 54/2019/QĐ-PT ngày 01/3/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Lý Văn T, sinh năm 1970

2. Bà Lâm Thị M, sinh năm 1970

Địa chỉ: xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Đường Văn T, Văn phòng luật sư M thuộc Đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn:

1. Ông Trương Tấn H, sinh năm 1945

2. Bà La Nguyệt N, sinh năm 1953

Cùng địa chỉ: xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H, bà N: anh Trương Nghiệp L, sinh năm 1985

Địa chỉ: đường N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ: khu phố M, thị trấn L, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H1- Chủ tịch UBND huyện C.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Lý Văn T, bà Lâm Thị M

- *Người làm chứng:* anh Thái Văn H, sinh năm 1969

Địa chỉ: phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

(Ông T, bà M, anh L, anh H và Luật sư có mặt tại phiên tòa; ông H1 xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn ông Lý Văn T, bà Lâm Thị M trình bày:** Vào năm 2013, vợ chồng ông bà có mua của ông Thái Văn B một phần đất rẫy diện tích 932m², được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận QSD đất số BN 932906 ngày 17/6/2013, thuộc tờ bản đồ số 08, thửa số 209 tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang. Giáp ranh với phần đất của ông bà là một phần đất của ông Trương Văn H bán lại cho ông Trương Tấn H vào năm 1994, khi hai bên mua bán đất với nhau thì vợ chồng ông bà không chứng kiến nhưng ông bà có nghe ông B và ông Trương Văn H nói lại khi bán đất cho ông Trương Tấn H các bên đã tiến hành đo đạc để cắm trụ đá làm ranh giữa hai phần đất. Năm 2011, ông Trương Tấn H mới cắm thêm 02 cây trụ đá mới cách trụ đá cũ ở phía trước cặp đường lộ nông thôn khoảng 0,1m. Đến khoảng tháng 8/2014, ông H tự ý nhổ hết 03 cây trụ đá phía trước nhà đồng thời ông H đắp đất lên trên chỗ trụ đá cũ (mà theo ông H là để chuẩn bị cho việc làm đường sắp tới), phần đất đắp thêm này lấn qua phần đất vợ chồng ông bà đang sử dụng là 0,8m; phần trụ đá giáp sông C thì vẫn giữ nguyên

hiện trạng. Trên phần đất của ông bà có 01 trại ghe do ông B xây cất từ năm 1997 giáp ranh với phần đất của ông H đang sử dụng thể hiện việc ông H cắm ranh lấn sang phần đất của ông bà.

Ông bà xác định thời điểm ông bà nhận chuyển nhượng đất do hai bên giáp ranh không đồng ý ký tên vào biên bản đo đạc của địa chính nên UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông bà là dựa trên hồ sơ trích lục sơ đồ địa chính mà không có đo đạc thực tế. Ông bà đồng ý theo kết quả đo đạc, thẩm định tại chỗ ngày 07/11/2017 và kết quả thẩm định giá.

Ông bà đề nghị Tòa án hủy giấy chứng nhận QSD đất số AB 729232 ngày 24/02/2005 đối với phần đất có diện tích $480,38\text{m}^2$, tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang (thuộc tờ bản đồ số 08, thửa đất số 212) mà UBND huyện C đã cấp cho ông Trương Tấn H và bà La Nguyệt N nhưng nay ông bà xin rút lại yêu cầu này.

Nay ông bà yêu cầu ông Trương Tấn H, bà La Nguyệt N khôi phục lại trụ đá làm ranh giữa hai phần đất và trả lại phần đất đã lấn chiếm có tổng diện tích theo đo đạc thực tế là $11,8\text{m}^2$ (ngang 0,8m, dài 29,74m) tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang cho ông bà sử dụng.

*** Anh Trương Nghiệp L là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trương Tấn H, bà La Nguyệt N trình bày:** Năm 1994, cha mẹ anh là ông Trương Tấn H và bà La Nguyệt N có mua của ông Trương Văn H một thửa đất biên lá có tổng diện tích $964,4\text{m}^2$ (rộng 33m x dài 29m) tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang nhưng khi gia đình anh kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì UBND huyện C chỉ cấp diện tích là $480,3\text{m}^2$ theo giấy chứng nhận QSD đất số AB 729232 ngày 24/02/2005, thuộc tờ bản đồ số 08, thửa số 212, phần diện tích còn lại theo đo đạc thực tế là $491,3\text{m}^2$ do là đất cặp bờ sông nên chưa được cấp giấy và gia đình anh đã sử dụng phần đất trên ổn định cho đến nay. Giáp ranh với phần đất của gia đình anh là đất của ông Thái Văn B chuyển nhượng cho ông T, bà M. Trước năm 2005 cha mẹ anh và ông B có cắm trụ đá phân ranh giới đất nhưng do thời gian lâu dài mưa sạt lở nên trụ đá bị ngã xuống mương, cha mẹ anh đã lấy trụ đá cắm lại lên phần đất của mình. Đầu năm 2013, ông T mua lại phần đất của ông B và đo đạc bằng dây may bao và cắm trụ

đá phân ranh mới, lúc cắm trụ đá mới cha mẹ anh có chứng kiến nhưng lúc đó không có thước đo nên cha mẹ anh không đo lại phần đất của mình. Vài ngày sau cha mẹ anh mượn được thước đo lại phần đất của mình nhưng khi đo đạc lại thì phần đất của gia đình chỉ có 32,2m, thiếu 0,8m so với diện tích đã mua của ông H. Sau đó ông H, bà N báo lại với ông T biết nhưng ông T không ý kiến gì và cũng không đo đạc lại để xác định lại ranh. Do mọi người không ai có ý kiến gì nên cha mẹ anh đã nhờ trụ đá cắm ranh lại cho đủ phần diện tích đất ngang 33m nhưng sau đó ông T, bà M cho rằng cha mẹ anh lấn chiếm đất và tranh chấp. Anh L đồng ý với kết quả đo đạc và thẩm định giá.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông H, bà N có yêu cầu phản tố và phản tố bổ sung đề nghị Tòa án hủy giấy chứng nhận QSD đất số BN 932906 do UBND huyện C cấp ngày 17/6/2013, diện tích 932m², tờ bản đồ số 08, thửa số 209, đất tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang do ông Lý Văn T và bà Lâm Thị M đứng tên chủ sở hữu, đồng thời yêu cầu Tòa án buộc ông T, bà M phải trả lại diện tích lấn chiếm ngang 0,98m, dài 29,74m nhưng nay anh xin rút lại các yêu cầu này và không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa.

Anh L không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T, bà M vì cha mẹ anh không có lấn chiếm phần đất có tổng diện tích theo đo đạc thực tế là 11,8m² (ngang 0,8m, dài 29,74m) tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang. Đồng thời, anh L yêu cầu Tòa án công nhận phần đất tranh chấp có diện tích theo đo đạc thực tế ngang 0,8m, dài 29,74m, tổng diện tích 11,8 m² là nằm trong phần đất diện tích 480,38m² (diện tích theo đo đạc thực tế là 352m²) đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất số AB 729232 ngày 24/02/2005 thuộc thửa số 212, tờ bản đồ số 08 và công nhận phần đất còn lại theo đo đạc thực tế có diện tích là 612,4m² chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất, 02 phần đất cùng tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang thuộc quyền sử hữu hợp pháp của ông H, bà N.

*** Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang trình bày:** Việc UBND huyện cấp giấy chứng nhận QSD đất số AB 729232 ngày 24/02/2005 đối với phần đất có diện tích 480,38m², tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang (thuộc tờ bản đồ số 08, thửa đất số 212) cho ông Trương Tấn H và bà La Nguyệt

N đứng tên và giấy chứng nhận QSD đất số BN 932906 ngày 17/6/2013, diện tích 932m², tờ bản đồ số 08, thửa đất số 209 tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang cho ông Lý Văn T và bà Lâm Thị M đứng tên là đúng theo trình tự thủ tục, đúng vị trí, đúng đối tượng và đúng diện tích.

*** Tại bản án sơ thẩm số 39/2018/DS-ST ngày 13/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:**

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện, khởi kiện bổ sung của nguyên đơn ông Lý Văn T, bà Lâm Thị M về việc yêu cầu bị đơn ông Trương Tấn H, bà La Nguyệt N trả lại phần đất tranh chấp có tổng diện tích theo đo đạc thực tế là 11,8 m² (ngang 0,8m, dài 29,74m) tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

- Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố, phản tố bổ sung của bị đơn ông Trương Tấn H và bà La Nguyệt N.

Công nhận phần đất tranh chấp có tổng diện tích theo đo đạc thực tế là 11,8 m² (ngang 0,8m, dài 29,74m) tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Trương Tấn H và bà La Nguyệt N (có nêu tứ cận).

Ông H, bà N có nghĩa vụ liên hệ đến cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục xin kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất theo quy định pháp luật.

Kiến nghị UBND huyện C điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 932906 cấp ngày 17/6/2013, thuộc tờ bản đồ số 08, thửa số 209, diện tích 932m² (diện tích đo đạc thực tế là 794,7m²) do ông Lý Văn T, bà Lâm Thị M đứng tên và giấy chứng nhận QSD đất số AB 729232 cấp ngày 24/02/2005 thuộc thửa số 212, tờ bản đồ số 08, diện tích 480,38m² (diện tích đo đạc thực tế là 352m²) do ông Trương Tấn H, bà La Nguyệt N đứng tên, cả 02 thửa đất cùng tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang cho phù hợp theo diện tích đo đạc thực tế của Tòa án nhân dân huyện C ngày 07/11/2017.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn ông T, bà M về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 729232 ngày 24/02/2005 của ông H, bà N. Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông H, bà N về

việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 932906 ngày 17/6/2013 của ông T, bà M.

- Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố bổ sung của bị đơn ông H, bà N về việc yêu cầu nguyên đơn trả lại phần đất lấn chiếm ngang 0,98m, dài 29,4m tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

* Ngày 26/11/2018 ông T, bà M kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm buộc vợ chồng ông H trả lại phần đất lấn chiếm chiều rộng 0,8m, chiều dài 29,74m, diện tích 11,8m² cho vợ chồng ông T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T, bà M và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của vợ chồng ông T cho rằng hai bên mua đất, khi mua cũng đã có ranh giới nhưng ông H đã tự ý nhổ cắm ranh lại được thể hiện khi hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã B cũng như tại Tòa án nhân dân huyện C; quá trình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông H có đổi từ năm 1998 chiều ngang 25m, đến năm 2005 thay đổi từ 25m lên 33m nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không làm rõ việc này; những người làm chứng như ông Trương Văn H, anh Thái Văn H đều xác định việc ông H tự nhổ trụ đá cắm lại là không đúng. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định không có việc lấn đất là không đúng, không công bằng; khi hòa giải, phía đại diện của Ủy ban nhân dân huyện C cũng trình bày khi nào Tòa án có quyết định hoặc bản án có hiệu lực pháp luật thì Ủy ban nhân dân huyện C sẽ căn cứ vào thực hiện. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay vợ chồng ông T cũng tự nguyện chỉ yêu cầu lấy lại phần đất chiều rộng 0,4m thể hiện việc muốn thỏa thuận, thương lượng nhưng phía bị đơn vẫn không đồng ý. Đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án theo hướng buộc vợ chồng ông H trả lại cho vợ chồng ông T phần đất rộng 0,4m, dài 29,74m, diện tích là 5,6m².

Người đại diện theo ủy quyền của ông H, bà N không đồng ý với nội dung kháng cáo của vợ chồng ông T, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tại Tòa án cấp sơ thẩm gia đình ông H cũng đã rút một phần yêu cầu phản tố đối với phần đất rộng 0,98m, dài 29,74m.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, Luật sư và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông T, bà M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện C có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử phúc thẩm vắng mặt Ủy ban nhân dân huyện C theo khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Phần đất hai bên đương sự tranh chấp có diện tích theo đo đạc thực tế là $11,8\text{ m}^2$ (rộng $0,8\text{m}$ x dài $29,74\text{m}$) tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang, cụ thể: cạnh 5-8= $0,80\text{m}$ giáp lộ Bê tông nông thôn; cạnh 6-5= $29,67\text{m}$ giáp phần đất của ông T, bà M; cạnh 8-6= $29,74\text{m}$ giáp phần đất của ông H, bà N (phần đất xéo hình tam giác). Vợ chồng ông T, bà M cho rằng vợ chồng ông H tự ý nhổ ranh đất trước đây và cấm lại lấn qua đất của ông bà; còn vợ chồng ông H, bà N thì không đồng ý vì cho rằng phần đất này ông bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không có lấn chiếm đất của vợ chồng ông T.

[3] Xét nội dung khởi kiện cũng như nội dung kháng cáo của vợ chồng ông T, ý kiến tranh luận của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của vợ chồng ông T yêu cầu cấp phúc thẩm buộc vợ chồng ông H trả lại phần đất lấn chiếm chiều rộng $0,8\text{m}$, chiều dài $29,74\text{m}$, diện tích $11,8\text{m}^2$ cho vợ chồng ông T. Tại phiên tòa phúc thẩm vợ chồng ông T muốn thỏa thuận và yêu cầu vợ chồng ông H trả lại phần đất lấn chiếm chiều rộng $0,4\text{m}$, chiều dài $29,74\text{m}$, diện tích $5,6\text{m}^2$ nhưng người đại diện theo ủy quyền của vợ chồng ông H không đồng ý vì cho rằng tại Tòa án cấp sơ thẩm gia đình anh cũng đã rút một phần yêu cầu phản tố đối với phần đất rộng $0,98\text{m}$, dài $29,74\text{m}$, hiện nay đất của gia đình anh là đất bờ, còn phía

đất ông T là con mương, gia đình anh không thể đào bờ thành mương cho đất ông T được.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy, về nguồn gốc đất: Phần đất của vợ chồng ông T mua của ông Thái Văn B một phần đất rẫy diện tích 932m^2 vào năm 2013; còn phần đất của vợ chồng ông H mua của ông Trương Văn H một thửa đất biên lá có tổng diện tích $964,4\text{ m}^2$ (rộng 33m x dài 29m). Quá trình sử dụng đất giữa ông Trương Tấn H và ông Thái Văn B không có tranh chấp ranh đất, sau khi ông T nhận chuyển nhượng của ông B năm 2013 thì đến khoảng tháng 8/2014 mới bắt đầu tranh chấp ranh đất, tranh chấp tại vị trí giáp lộ nông thôn còn phía sau giáp sông C không có tranh chấp.

Tại biên bản hòa giải ngày 07/3/2015 của Ủy ban nhân dân xã B, qua thẩm tra xác minh Hội đồng hòa giải kết luận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng ông H được cấp trước thời điểm ông T mua đất của ông Thái Văn B, có số liệu đo đạc cụ thể, yêu cầu của ông T là không có cơ sở (bút lục 02-05).

[5] Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Phần đất của vợ chồng ông H được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận QSD đất số AB 729232 cấp ngày 24/02/2005 thuộc thửa số 212, tờ bản đồ số 08, diện tích $480,38\text{m}^2$; còn phần đất của vợ chồng ông T được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 932906 cấp ngày 17/6/2013, thuộc tờ bản đồ số 08, thửa số 209, diện tích 932m^2 (bút lục 09, 11).

Đối chiếu biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 07/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện C và trích đo địa chính của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C ngày 20/3/2018 thì diện tích đo đạc thực tế của vợ chồng ông H là 352m^2 ; còn diện tích đo đạc thực tế của vợ chồng ông T là $794,7\text{m}^2$ (bút lục 183, 191). Như vậy, phần đất thực tế của hai bên đương sự đều thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[6] Tại công văn số 134/CV-TNMT ngày 31/5/2018, Ủy ban nhân dân huyện C xác định việc UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 729232 ngày 24/02/2005 đối với phần đất có diện tích $480,38\text{m}^2$, tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang (thuộc tờ bản đồ số 08, thửa đất số 212) cho ông Trương Tấn H và bà La Nguyệt N là đúng trình tự, thủ tục, đúng đối

tượng, diện tích và vị trí đất ; việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 932906 ngày 17/6/2013, diện tích 932m², tờ bản đồ số 08, thửa đất số 209 tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang cho ông Lý Văn T và bà Lâm Thị M là cấp đúng trình tự, thủ tục, đối tượng, vị trí nhưng diện tích là chưa chính xác bởi vì cấp theo bản đồ địa chính tỷ lệ 1/5000. Nguyên nhân đất hai bên bị thiếu là do sạt lở đất bờ sông C, mở rộng lộ nông thôn (bút lục 204).

[7] Xét quá trình sử dụng đất, cả hai bên đương sự đều xác định trước đây giữa ông H và ông B sử dụng ổn định, đất đã có ranh giới, hai bên không có tranh chấp. Sau khi ông T nhận chuyển nhượng từ ông B và hai bên không thống nhất ranh giới nên tranh chấp từ tháng 8/2014. Hiện trạng đất hiện nay tại vị trí trụ đá phần đất bên gia đình ông T là con mương, còn phía đất của ông H là đất bờ. Việc vợ chồng ông T cho rằng vợ chồng ông H lấn chiếm đất chiều rộng 0,8m, chiều dài 29,74m là không có căn cứ. Do đó, trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở chấp nhận nội dung kháng cáo của vợ chồng ông T cũng như ý kiến tại phiên tòa yêu cầu vợ chồng ông H trả phần đất lấn chiếm rộng 0,4m, dài 29,74m, diện tích là 5,6m².

[8] Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử nghị án nên chấp nhận ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên, không chấp nhận nội dung kháng cáo của vợ chồng ông T, bà M cũng như ý kiến tranh luận của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho vợ chồng ông T, cần thiết giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[9] Về án phí phúc thẩm: Ông T, bà M phải chịu án phí phúc thẩm mỗi người là 300.000đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 166, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông T, bà M. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 39/2018/DS-ST ngày 13/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện, khởi kiện bổ sung của nguyên đơn ông Lý Văn T, bà Lâm Thị M về việc yêu cầu bị đơn ông Trương Tấn H, bà La Nguyệt N trả lại phần đất tranh chấp có tổng diện tích theo đo đạc thực tế là 11,8 m² (ngang 0,8m, dài 29,74m) tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố, phản tố bổ sung của bị đơn ông Trương Tấn H và bà La Nguyệt N.

Công nhận phần đất tranh chấp có tổng diện tích theo đo đạc thực tế là 11,8 m² (rộng 0,8m, dài 29,74m) tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Trương Tấn H và bà La Nguyệt N, theo đo đạc thực tế của Tòa án nhân dân huyện C ngày 07/11/2017 và trích đo địa chính của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C ngày 20/3/2018, cụ thể như sau:

Từ điểm 6-5= 29,67m giáp phần đất của ông T, bà M;

Từ điểm 5-8= 0,80m giáp lộ Bê tông R=2,5m;

Từ điểm 8-6= 29,74m giáp phần đất của ông H, bà N;

Ông H, bà N có nghĩa vụ liên hệ đến cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục xin kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Kiến nghị UBND huyện C điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 932906 cấp ngày 17/6/2013, thuộc tờ bản đồ số 08, thửa số 209, diện tích 932m² (diện tích đo đạc thực tế là 794,7m²) do ông Lý Văn T, bà Lâm Thị M đứng tên và giấy chứng nhận QSD đất số AB 729232 cấp ngày 24/02/2005 thuộc thửa số 212, tờ bản đồ số 08, diện tích 480,38m² (diện tích đo đạc thực tế là 352m²) do ông Trương Tấn H, bà La Nguyệt N đứng tên, cả hai thửa đất cùng tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang cho phù hợp theo diện tích đo đạc thực tế.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn ông T, bà M về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 729232 ngày 24/02/2005 của ông H, bà N.

Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông H, bà N về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 932906 ngày 17/6/2013 của ông T, bà M.

Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố bổ sung của bị đơn ông H, bà N về việc việc yêu cầu nguyên đơn trả lại phần đất lấn chiếm ngang 0,98m, dài 29,4m tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

4. Về án phí: Buộc nguyên đơn ông Lý Văn T, bà Lâm Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 200.000 đồng, phải chịu án phí phúc thẩm mỗi người là 300.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 800.000 đồng theo các biên lai thu tiền tạm ứng số 07281 ngày 31/3/2015, lai thu 0009385, 0009386 ngày 26/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, nên ông T, bà M không phải nộp thêm.

Bị đơn ông Trương Tấn H, bà La Nguyệt N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch. Hoàn trả lại cho ông H, bà N số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005785 ngày 25/4/2018 và 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003726 ngày 11/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Kiên Giang.

5. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn ông T, bà M có nghĩa vụ nộp chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, phí sao lục hồ sơ và phí thẩm định giá, tổng cộng là 3.190.000 đồng, số tiền này nguyên đơn đã nộp xong.

Bị đơn ông H, bà N có nghĩa vụ nộp chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và phí sao lục hồ sơ số tiền là 1.120.000 đồng, số tiền này bị đơn đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi Nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện C;
- THA dân sự huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Nhiên